

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2021
V/V tranh chấp xin ly hôn, nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Huỳnh Ngọc Trứ.
2. Bà: Lý Thị Bé Năm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Châu Thị T**, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Ngô Văn G**, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Châu Thị T trình bày:* Do quen mai mối chị Châu Thị T và anh Ngô Văn G được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào cuối năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh G, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con tên Ngô Văn N, sinh ngày 23/12/1991 và Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004. Về cháu Ngô Văn N đã thành niên và có khả năng lao

động để nuôi sống bản thân, nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004 hiện nay đang sống chung với anh G, nên đồng ý giao cháu D cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo chị T để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Theo chị T không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Văn G trình bày:* Về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của chị T là đúng. Anh G và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào cuối năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay thấy vợ chồng sống không hòa hợp được với nhau, nên anh G cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung: Có 02 con như chị T trình bày là đúng, về con chung đối với cháu N đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên anh G không đặt ra yêu cầu để giải quyết. Riêng đối với Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004 hiện nay đang sống chung với anh G, nên anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo anh G không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu xin được ly hôn với anh Ngô Văn G. Xét thấy, do quen biết trước anh Ngô Văn G và chị Châu Thị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào cuối năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh G, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh G cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, do quan hệ vợ chồng giữa anh G và chị T được xác lập vào năm 1990 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn G và chị Châu Thị T.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Ngô Văn N, sinh ngày 23/12/1991 và Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004. Về cháu N đã thành niên và có khả năng lao động để

nuôi sống bản thân, anh G và chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đề giải quyết. Riêng cháu Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004 hiện nay đang sống chung với anh G, anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; chị T cũng đồng ý giao con cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu D do anh G nuôi dưỡng từ khi anh G và chị T ly thân với nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, qua tham khảo lời khai của cháu D cũng có nguyện vọng xin được sống chung với anh G; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ giao cháu Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía anh G chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đề giải quyết. Nếu sau này anh G có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh G được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Theo anh G và chị T thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này phía anh G và chị T không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Theo anh G và chị T thống nhất với nhau không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Châu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn G và chị Châu Thị T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Ngô Trường D, sinh ngày 13/5/2004 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh G chưa có yêu cầu. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí: Buộc chị Châu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006743 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND phường 1-TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn